

Bản án số: 12/2021/KDTM-ST

Ngày: 17/6/2021

*Về việc tranh chấp hợp đồng
tín dụng*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Quyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hoàn;
2. Bà Nguyễn Thị Thu Vân;

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Anh Ly - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/2021/TLST-KDTM ngày 09 tháng 4 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2021/QĐST-KDTM ngày 14 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2021/QĐST-KDTM ngày 31/5/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Q; trụ sở: Tầng 1 và tầng 2, Tòa nhà Sailing Tower – 111A Pasteur, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên lạc: Tầng 6, Tòa nhà Pax Sky – số 26 U, Phường 25, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh Nguyễn Trường C, sinh năm 1991; địa chỉ: Tầng 6, Tòa nhà Pax Sky – số 26 U, Phường 25, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền ngày 01/3/2021). Có mặt;

- Bị đơn: Công ty TNHH Một thành viên Tư vấn thiết kế N; địa chỉ trụ sở: Số 5/29B khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 01 tháng 3 năm 2021, lời khai trong quá trình tố tụng, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là anh Nguyễn Trường C trình bày:

Ngân hàng thương mại cổ phần Q (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) thỏa thuận ký hợp đồng tín dụng với Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Tư vấn thiết kế N (sau đây gọi là Công ty) hợp đồng tín dụng số 0307.HĐTD-VIB638.16 ngày

08/11/2016, nội dung thỏa thuận: Ngân hàng cho Công ty vay số tiền 700.000.000 đồng, mục đích vay mua 01 xe ô tô nhãn hiệu Mazda, biển số 61A-325.03. Thời hạn vay 84 tháng kể từ ngày 08/11/2016 đến ngày 08/11/2023, lãi suất tại thời điểm giải ngân là 6.99%/ năm, được áp dụng trong 06 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân. Hết thời hạn ưu đãi, lãi suất được điều chỉnh theo quy định của Ngân hàng và được điều chỉnh 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở do Ngân hàng công bố tại thời điểm điều chỉnh. Tiền gốc trả hàng tháng với số tiền 8.330.000 đồng, số tiền còn lại trả cuối kỳ. Tiền lãi trả vào ngày 12 hàng tháng. Kỳ trả nợ đầu tiên là ngày 12/12/2016, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty số tiền 700.000.000 đồng theo thỏa thuận. Để đảm bảo cho khoản vay trên Công ty thế chấp xe ô tô nhãn hiệu Mazda, biển số 61A-325.03 cho Ngân hàng và Công ty vẫn tiếp tục quản lý sử dụng xe ô tô trên. Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty luôn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và nợ lãi. Ngân hàng đã chuyển khoản vay của Công ty thành khoản nợ quá hạn từ ngày 13/8/2018. Tính đến ngày 17/6/2021, Công ty đã thanh toán cho Ngân hàng được số tiền 277.344.995 đồng, trong đó: Nợ gốc 168.483.255 đồng, nợ lãi 108.861.740 đồng.

Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 17/6/2021 là 828.095.704 đồng trong đó nợ gốc 531.516.745 đồng, nợ lãi 296.578.959 đồng. Yêu cầu Công ty phải trả tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi Công ty thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

Về tài sản thế chấp là 01 xe ô tô nhãn hiệu Mazda, biển số 61A-325.03 hiện do Công ty đang quản lý, Ngân hàng không biết tình trạng của tài sản đã nhận thế chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đối với bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Tư vấn thiết kế N:*

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải bằng hình thức niêm yết công khai để yêu cầu người đại diện theo pháp luật của bị đơn có ý kiến trả lời bằng văn bản đối với các yêu cầu của nguyên đơn cũng như cung cấp các chứng cứ liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng người đại diện theo pháp luật của bị đơn vắng mặt không có lý do, không cung cấp chứng cứ cho Tòa án. Ngày 14/5/2021, Tòa án triệu tập người đại diện theo pháp luật của bị đơn tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng người đại diện theo pháp luật của bị đơn vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Tòa án và nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự, người đại diện theo pháp luật của bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn là có căn cứ chấp nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về tài sản thế chấp nguyên đơn không yêu cầu nên không đề nghị xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của các đương sự: Người đại diện theo pháp luật của bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham dự phiên tòa vào các ngày 31/5/2021 và 17/6/2021 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án: Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không cung cấp tài liệu chứng cứ nên Tòa án căn cứ vào chứng cứ do nguyên đơn cung cấp làm căn cứ giải quyết vụ án. Xét hợp đồng tín dụng số 0307.HĐTD-VIB638.16 ngày 08/11/2016 được giao kết giữa Ngân hàng và Công ty đã thể hiện ý chí tự nguyện thỏa thuận giữa hai bên. Ngân hàng đã giải ngân số tiền 700.000.000 đồng cho Công ty như thỏa thuận, trong quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền 277.344.995 đồng, trong đó 168.483.255 tiền gốc, nợ lãi 108.861.740 đồng. Tính đến ngày 17/6/2021 số tiền bị đơn còn nợ là 828.095.704 đồng, trong đó nợ gốc 531.516.745 đồng, nợ lãi 296.578.959 đồng xét có căn cứ buộc bị đơn phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền trên.

[3] Về nợ lãi: Xét thấy, tiền lãi theo thỏa thuận của các đương sự theo hợp đồng tín dụng số 0307.HĐTD-VIB638.16 ngày 08/11/2016 là phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước về việc thực hiện cơ chế lãi suất thỏa thuận trong hoạt động tín dụng thương mại nên hợp đồng tín dụng số 0307.HĐTD-VIB638.16 ngày 08/11/2016 là hợp pháp. Theo đó bị đơn còn phải tiếp tục thanh toán khoản lãi phát sinh trên số nợ gốc kể từ ngày 18/6/2021 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản tiền đã vay theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản thế chấp: Xét xe ô tô nhãn hiệu Mazda, biển số 61A-325.03 là tài sản thế chấp của Công ty cho khoản vay 700.000.000 đồng, nội dung được thể hiện trong hợp đồng tín dụng số 0307.HĐTD-VIB638.16 ngày 08/11/2016. Theo trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tại phiên tòa thì xe ô tô trên hiện do bị đơn đang quản lý, nguyên đơn không biết tình trạng của tài sản thế chấp. Vì vậy, nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với tài sản thế chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Từ những phân tích nêu trên, xét có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tại phiên tòa phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Tư vấn thiết kế N phải chịu theo quy định của Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 144, Điều 147, Điều 228, Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 90, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 317, Điều 318 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Q với bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Tư vấn thiết kế N về việc Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Tư vấn thiết kế N có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q số tiền còn nợ phát sinh từ hợp đồng tín dụng số 0307.HĐTD-VIB638.16 ngày 08/11/2016 tạm tính đến ngày 17/6/2021 là 828.095.704 đồng, trong đó nợ gốc 531.516.745 đồng, nợ lãi 296.578.959 đồng.

Tiền lãi được tiếp tục tính kể từ ngày 18/6/2021 cho đến khi Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Tư vấn thiết kế N trả xong các khoản nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 0307.HĐTD-VIB638.16 ngày 08/11/2016.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Tư vấn thiết kế N phải chịu 36.842.871 đồng (Ba mươi sáu triệu, tám trăm bốn mươi hai nghìn, tám trăm bảy mươi một đồng). Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q số tiền 17.689.000 đồng (Mười bảy triệu, sáu trăm tám mươi chín nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0049485 ngày 08/4/2021 của Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- CCTHADS thành phố Dĩ An;
- Lưu: VT, HS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Quyết